

Đại Tạng Kinh, Quyển 46 _ No.1952 (Tr.983 _ Tr.985)

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT NHƯ Ý LUÂN CHÚ KHÓA PHÁP VÀ TỰA

Hán Văn: Không rõ tên người soạn
Việt dịch: HUYỀN THANH

Đời Tùy, Tổ TRÍ GIẢ nói **Ma Ha Chỉ Quán** ước chừng có **4 loại Tam Muội** biểu thị cho Pháp Hành của các Kinh. Người đọc tuy nhiều nhưng người tu không có. Tại sao thế? Vì căn người nông cạn, Pháp Vị nhạt nhẽo, theo Thầy thì cực nhọc về Danh Tướng, phụng sự Phật thì trễ nãi việc Tư Huân (Huân tập phẩm Đức làm tư lương tu hành) cho nên **10 Quán Thành Thừa, 5 Hối Trợ Đạo** chỉ còn lời nói trống rỗng. Ta gấp rút lựa khi nhân rồi ngoài lúc giảng tập, chăm chú tìm cầu lợi ích của Khóa Niệm. Nhân phát Kinh Tạng được **Như Ý Luân Chú**. Phạm có 4 Bản, xem rõ văn ấy thật cùng nơi xuất xứ chỉ do phiên dịch khác thời

1) **Thực Xoa Nan Đà**: Đây là **PHÁP HỸ**. Đời Đường, Thiên Hậu Cửu Thị năm đầu, dịch (8 cuộn giấy)

2) **A Di Chân Na**: Đây là **BẢO TỰ DUY**. Đời vua Đường Trung Tông, niên hiệu Thần Long năm thứ hai, dịch (7 cuộn giấy)

3) Tam Tạng Pháp Sư **NGHĨA TỊNH** dịch (3 cuộn giấy)

4) Đời Đường, Thiên Trúc Tam Tạng Pháp Sư **BỒ ĐỀ LƯU CHÍ**. Đây là **GIÁC ÁI** dịch (19 cuộn giấy)

Chương Cú đã giản lược, rút ngắn chỉ nhằm ngăn che điều ác, có thể dùng để chấm dứt 3 Chương, giữ gìn điều lành, hay đầy đủ 2 Nghiêm.

Xưa kia Thiên Trúc Pháp Sư, tên húy là **Tuân Thúc** thường quán Kinh này mà biết điểm trọng yếu để lợi vật. Đặc biệt ưa thích Chú do Nghĩa Tịnh dịch vì lời văn dễ tụng nên khắc bản in ấn tặng yếu quyết cho 4 Chúng.

Xong Bản Dịch của Ngài Nghĩa Tịnh rất giản lược, chỉ nói Pháp Thức là **Nhiếp Tâm Khẩu Tụng** còn đối với Sự Nghi, Quán Tướng Hội thì chưa chỉ điểm ý bờ mé của Thọ Trì hoặc là thiếu sót. Nay chọn lấy các Văn đề bổ trợ.

Từ nguồn khởi đầu đến ngọn, tổng cộng thành 7 Khoa

- 1) Pháp Thức
- 2) Quán Tướng
- 3) Lễ Tán
- 4) Trì Tụng
- 5) Sám Nguyện
- 6) Chứng Nghiêm
- 7) Thích Nghi (Giải thích sự nghi ngờ)

Việc này đều noi theo Bản Kinh khiến cho người chẳng bung tán chẳng sai khác. Sự xếp đặt lúc trước, quý ở chỗ **Cơ Cầu** có chốn. Kẻ biết tội của Ta ắt đợi Bạc Hiền Triết sau này vậy

1) PHÁP THỨC:

Kinh ghi là: “Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện, **Bật Sô, Bật Sô Ni, Ô Ba Tô Ca, Ô Ba Tư Ca** phát Tâm mong cầu **Hiện Báo** của đời này thì nên một lòng thọ trì (Chú này). Lúc muốn thọ trì thời chẳng hỏi Nhật, Nguyệt, Tinh Thần (Ngày, tháng, giờ giấc) tốt xấu. Riêng tu Trai Giới, chẳng mượn tắm gội với dùng áo sạch mà chỉ nhiếp Tâm niệm tụng chẳng trễ nãi thì trăm ngàn loại việc ước nguyện đều thành. Lại không

có Minh Chú nào có thể sánh ngang với thể lực của Như Ý Chú Vương này. Cho đến nếu mỗi ngày tụng 108 biến liền thấy Quán Tự Tại Đấng”

Lạc Xoa (Lakṣaṣa: 10 vạn): dịch về số lượng cũng chẳng đồng, cho đến 7 ngày 7 đêm nối tiếp nhau mà tụng.

CHÂN NA dịch là: Nên dùng sau đêm. Nếu lúc bình minh thì tụng 1008 biến cho đến mỗi ngày sau đêm tụng 3000 biến.

LUU CHÍ dịch là: Thường mỗi **canh năm** tụng 1080 biến.

Lại nói rằng: 6 Thời, riêng mỗi Thời tụng 1080 biến liền tục chẳng dứt, mỗi một chữ tụng mãn ba Lạc Xoa (30 vạn biến)

Lại nói rằng: Nếu là Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni thì tụng 108 biến

Nếu là Nam Tử thì tụng 106 biến

Nếu là Nữ Nhân thì tụng 103 biến

Nếu là Đồng Nam thì tụng 100 biến

Nếu là Đồng Nữ thì tụng 90 biến

Đây gọi là **Khóa Pháp**, tất cả Thắng Sự đều được thành tựu (4 Tính: Quốc vương, Hậu Phi, Công Chúa, Tể Quan. Ấy là nói tên có hạn số đó)

Nay thử luận bàn. Phạm ngôn ngữ của Tây Phạn (Tây Tạng và Phạn ngữ) hoặc 5 nước Trúc (Thiên Trúc) truyền lưu có khác với sự phiên dịch của Trung Hoa cho nên Bản của Tam Tạng Sư Tông chẳng đồng. Điều này chỉ có Bạc Thánh cắt đặt chứ khó dùng Tinh suy xét.

Đã chính thức dùng Bản của Nghĩa Tịnh thì **Thỉnh** dùng 108 biến làm chuẩn. Sở dĩ như thế vì biểu thị cho sự phá 108 phiền não, thành tựu 108 Tam Muội

Lại NGHĨA TỊNH nói rằng: Lúc thọ trì thì chẳng cần Tân Khổ (Khổ cực cay đắng) chỉ tụng đều thành

Lấy lời nói này, giả sử chẳng đủ 108 biến mà tùy số giảm bớt cũng không có lỗi sao?!...

Các Bản Sở Tụng, thời tiết chẳng đồng chính là dựa theo Căn Người có lạc dục sai biệt vậy. Nay nói nếu y theo 7 ngày 7 đêm tụng, ắt cần 6 Thời, riêng mỗi Thời tụng 108 biến. Như **Kinh Đại Bi** ghi Hạn là 21 ngày, Thỉnh Quán Am có hạn là 49 ngày. Nếu y mỗi ngày vào canh năm, lúc bình minh tụng thì điều ấy là **Thường Khóa**, số ấy không có giới hạn. Như nói: “*Chẳng phải thế*” thì làm sao đủ được 3 Lạc Xoa? Há chỉ trong 7 ngày mà đạt được số lượng lớn như thế ư?!...

Lại nếu chẳng kịp canh năm, lúc bình minh thì cũng tự tùy ý. Tốt nhất dùng sau đêm, làm sáng sớm. Do sáng sớm thì Tâm người tươi tỉnh, nên nói riêng.

NGHĨA TỊNH dịch là: Sở dĩ lựa chọn Giờ đó để cho rộng rãi vậy

Xét Bản của LUU CHÍ: Nay ở ngày đêm, ở trong Tỉnh Thất, ngồi Kiết Già hướng mặt về phương Đông, tượng Thánh Quán Tự Tại đối trước mặt, tụng niệm chẳng loạn, đốt Trầm Thủy Hương, vận Tâm cúng dường, cung kính lễ bái. Tùy Tâm bày biện hương hoa cúng dường chẳng đoạn tuyệt. Nên biết trước lúc tụng Chú phải ở Tỉnh Thất, nhiếp Tâm quán tưởng.

Tiếp vào Đạo Trường làm lễ cúng dường, Hình Tượng đã nói nên hướng mặt về phương Tây. Cũng chẳng làm Đàn, nên bày giường ngồi. Làm thành 3 tầng: Tầng trên để Pháp Bảo tức là Sở Trì Đà La Ni Kinh ... bên trái để Tượng Thích Ca, bên phải là Tượng Di Đà. Tầng giữa chỉ để Tượng Quán Tự Tại, bên trái bên phải hoặc hoa hoặc đèn. Tầng dưới chỉ riêng bày vật cúng.

Nếu chẳng thể đặt bày như trên thì tùy theo Đạo Trường Thường Thức. Hoặc chỉ để Tượng Bồ Tát, tùy phần cúng dường.

Tuy nói: *Chẳng mượn Tắm gội, mặc áo mới*. Nếu 7 ngày riêng tu dùng ích thiện cho nên GIÁC HỠ dịch là: “Nếu muốn Quán Tự Tại vì người cầu nguyện hiện thân thì trong sạch tắm gội, bôi dầu thơm, mặc quần áo sạch”

Kinh ấy rộng nói rõ về việc: Cúng dường, Thịnh Triệu, Nghinh Tống ... đều có Ân Chú. Các Bản khác đều thiếu. Nay cũng chẳng làm được vậy.

2) QUÁN TƯỢNG:

Phàm chúng sinh từ vô thủy chỉ vì hôn tán mê loạn che lấp sự trong sáng cho nên bị Trần Lao bên ngoài sai sử, Đạo Tuệ bên trong bị hôn ám, 8 Khổ bức não chẳng dùng, tướng của 2 Nghiêm bị tiêu tụy khôn cùng mà không chọn lấy vẻ tươi tốt. Sự phiêu lưu ấy hiển lộ cô độc trong nhiều Kiếp mà chẳng tự tỉnh ngộ. Duy chỉ có Tâm triệu mời Thánh Nhân thương xót mượn Mật Ngữ ấn dấu để giải bày Pháp vi diệu, dạy bảo khiến tho thọt tri. Trước tiên vì niềm vui của Thế Gian kia, sau nữa là Tính của Như Lai ấy. Dặn đi dặn lại giống như con Tò Vò được lời cầu chúc của loài sâu bướm. Việc ấy có Niệm Tụng, lại thêm Tâm quán, há chẳng nhanh chóng sao?

LƯU CHỈ dịch là: Nếu chân thành tụng Đà La Ni Tối Thắng Pháp này thì ở tất cả chốn, hoặc an hoặc chẳng an, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, nhất tâm quán tưởng Thánh Quán Tự Tại với tướng tốt viên mãn như mặt trời mới tỏa ánh sáng chiếu diệu. Tụng Đà La Ni ấy không có vọng niệm, thường trì chẳng gián đoạn, không phạm một lỗi lầm ắt được Bồ Tát hiện thân vàng ròng trừ các Chướng Cấu và dùng Thần Lực gia bị khiến cho sự cầu nguyện trong Tâm thấy đều đầy đủ.

CHÂN NA dịch là: Lúc tụng niệm nên ghi nhớ Quán Thế Âm Bồ Tát, cầu làm nơi nương cậy. Xong bắt chước **Tâm Khẩu tương ứng**, **Niệm Tụng song vận** thọt tri theo nghi tắc cho đến vậy. Chẳng qua mới bắt đầu thì Tâm rong ruổi tán loạn nên thu nhiếp quả là khó khăn. Cho nên ở trong Tĩnh Thất, ngồi Kiết Già. Thoạt tiên quán Thánh Tượng.

Kinh Văn đã lược, nay giúp cho hiện lại. Và lại Bồ Tát vốn chứng Diệu Giác, hiệu là Chính Pháp Minh. Dấu tích ở Bồ Xứ tên là Quán Tự Tại. Tuy Bản Tích có nét đặc thù nhưng chớ chẳng đều tùy theo Thẻ Chân Như mà khởi dụng ứng hóa. Thẻ ấy như gương, Dụng ấy như tượng. Vì thế cho nên **Thật chẳng tại ứng, ứng do tại Cơ** cũng giống như gương chẳng tự có Tượng, Tượng vốn có tại hình vậy.

Lại nữa CỒ có hơn kém (Thắng Liệt), ỨNG có lớn nhỏ (Đại Tiểu). Cái lớn của Ứng là Thân dài 80 vạn ức Na Do Tha Do Tuần. Cái nhỏ của Ứng là Ở tất cả nơi thì Thân đồng với chúng sinh. Đại Ứng hiện ở Cực Lạc mà Tiểu Ứng thì dạo chơi ở Uế Độ nên Kinh ghi là: “Bồ Tát ngự ở núi Bồ Đát La” tức biểu thị cho nơi ngừng nghỉ trong khi dạo chơi ở cõi này (Uế Độ).

Nay Tâm bắt đầu tu Quán. Do Tâm tưởng còn kém cõi nên quán Tiểu Ứng. Tướng ấy có thể dựa theo Bản Dịch của **Lưu Chí**. Vẽ Tượng Quán Tự Tại. Khiến vẽ hoa sen có 32 cánh hé nở, ở trên đài hoa vẽ Như Ý Luân Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát hướng mặt về phương Tây, ngồi Kiết Già, diện mạo vui vẻ, thân tướng màu vàng, đầu đội mào báu có vị Hóa Phật.

Bồ Tát: Tay trái cầm đóa hoa hé nở, ở trên đài hoa đó vẽ viên ngọc báu Như Ý. Tay phải tác tướng Thuyết Pháp. Thân mặc quần áo màu nhiệm của cõi Trời. Khuyên tai, vòng, xuyên, nhẫn, 7 báu, Anh Lạc, mọi thứ trang nghiêm thân tỏa mọi ánh sáng.

Người Tu y theo Thánh Tượng này mà cột buộc niệm quán sát. Nên biết Tượng này từ Tâm Tượng sinh như hoa đóm trong hư không vốn không có Sở Hữu. Tượng này với Tâm, nguyên là Thẻ Diệu Tĩnh Minh của Quán Âm. Hoa ở hư không (Không Hoa) tức mượn **Bản vô Bất Không** (vốn không có gì chẳng trống rỗng) **Diệu Thẻ** tức **Trung**, **ba Đế viên dung**, **chẳng một chẳng khác**, **chẳng thể đặc** mà luận bàn vậy

Chẳng phải chỉ có Thánh Tượng mới nói như vậy mà **Thuyết Pháp** cũng đều như thế. Căn do Tính của chúng sinh vốn đầy đủ các Pháp cho nên hay tùy Duyên phát sinh. Bồ Tát tu chứng các Pháp cho nên Phổ Môn Thị Hiện. Các Pháp tuy khác nhưng trong **Không** (Śūnya: Trống rỗng) thì đồng. Nếu chỉ có khác mà chẳng đồng ắt đánh mất **Lý** của Cảm Ứng. Nếu chỉ có đồng mà chẳng khác ắt đánh mất **Sự** của Cảm Ứng. Mất Lý giống như sự chẳng thể hợp của nước và than củi. Mất Sự giống như việc chẳng thể triệu mời của hang núi và tiếng vang vọng. Sự Lý đã đầy đủ thì Cảm Ứng liền thành.

Lại nữa nên biết Pháp của ba Đế tức là nghĩa đã diễn nói của Minh Chú cho nên **Nghĩa Tịnh** dịch là: “*Không có chướng ngại*”.

Quán Tự Tại Liên Hoa Như Ý Bảo Luân Vương Đà La Ni nói *Không có chướng ngại* tức Bồ Tát có đủ Trí của 3 Đế, không có nghi của 3 Hoặc.

Quán Tự Tại là: Dùng Trí này xem xét chúng sinh mà được tự tại. Ấy là dùng Nhân Mệnh của Năng Thuyết, Chú của Sở Thuyết vậy.

Liên Hoa (Hoa sen) là: Sinh mà có thật, ví như Pháp Thân Đức xưa nay đầy đủ.

Như Ý là: Viên ngọc. Kinh ghi rằng: “Tuôn mưa diệu trần bảo giống như cây Như Ý”

Như Ý Bảo Châu ví như Giải Thoát Đức hay sinh các Pháp

Bảo Luân (Bánh xe báu) là: Sức tồi phá ví như Giải Thoát Đức hay phá các Pháp

Lại hoa sen sinh từ nước, lia nhiễm, trong sạch giống như **Bát Nhã** (Prajñā). Rễ hoa lan ra tỏa hương thơm lừng ví như **Giải Thoát** (Mokṣa) .

Thẻ của Viên Ngọc vốn tròn trịa ví như **Pháp Thân** (Dharma-kāya) màu sắc của nó trong suốt tinh khiết ví như Bát Nhã

Thẻ của Bánh Xe (Luân) là báu như Pháp Thân. Dụng của nó xoay chuyển như Giải Thoát.

Dùng 3 loại này đều có 3 nghĩa, lấy làm ví dụ cho 3 Đức. Đề cử một có ba, nói ba tức một. Do diễn nói nghĩa này tiếp nối nhiếp các Pháp vượt thắng tất cả cho nên xưng là **Vương** (vua). Che ngăn điều ác của 9 Giới, giữ gìn điều lành của Phật Giới nên gọi tên là **Đà La Ni**. Lại **Thực Xoa** dịch là: *Bí Mật Tạng Thần Chú*

Khi tuân theo há chẳng phải là Pháp của **3 Đức, 3 Đế** an nhận tên gọi ấy sao? Bồ Tát tự hành tuy ở trong **Không** (Śūnya) Hóa Tha theo sự giả mượn mà đi đến Vật. Chúng sinh ở sự giả mượn mà Thọ Hóa. Hóa cùng cực chỉ có ở trong **Không** (Śūnya) . Cho nên **Khởi Tín Luận** ghi là: “*Nếu lia Nghiệp Thức ắt không có tướng thấy* (Kiến Tướng). *Dùng Pháp Thân của chư Phật, Vô Hữu, Sắc Tướng đó đây lần lượt thay đổi để cùng thấy nhau*”

Lược giải như điều này. Nếu muốn giao cho biết Hành Tướng thì nên tìm **Ngọc Tuyền Chỉ Quán**

3) LỄ TÁN:

Tất cả cung kính, một lòng đỉnh lễ **Ba Quán** thường ở khắp mười phương
(*Lễ xong, quỳ dài, bưng lò, đốt hương*)

Nay con như Pháp nghiêm trì hương hoa cúng dường chư Phật Thế Tôn, mười hai Bộ Kinh, Hiền Thánh ba Thừa trong vô biên Pháp Giới ở mười phương
(*Bưng lò, dâng hoa, vận tướng rải tán rồi lại nói rằng*)

Trong Như Lai Tạng

Có Báu Chân Pháp

Tùy Tính chúng sinh

Cảm ứng toại thông

Đại Bi Đại Sĩ

Thánh Quán Tự Tại
 Đã nói Minh Chú
 Hiệu **Như Ý Luân**
 Đều khiến diệt trừ
 Vô lượng khổ ách
 Lại cũng thành tựu
 Tất cả mong cầu
 Vì thế Thích Ca
 An cần tán dương
 Các Đà La Ni
 Nhóm **Đẳng Vô Vi**
(Bày tỏ ý)

Nhất Tâm đỉnh lễ Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn
 Nhất Tâm đỉnh lễ Cực Lạc Thế Giới A Di Đà Thế Tôn
 Nhất Tâm đỉnh lễ Chư Phật Thế Tôn ở mười phương Pháp Giới
 Nhất Tâm đỉnh lễ Vô Chướng Ngại Tự Tại Liên Hoa Như Ý Luân Vương Đà La

Ni

Nhất Tâm đỉnh lễ mười hai Bộ Kinh ở mười phương Pháp Giới
 Nhất Tâm đỉnh lễ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát
 Nhất Tâm đỉnh lễ Đại Thế Chí Bồ Tát Ma Ha Tát
 Nhất Tâm đỉnh lễ Viên Mãn Ý Nguyên Minh Vương chư Đại Bồ Tát Ma Ha Tát
 Nhất Tâm đỉnh lễ Thánh Chúng ba Thừa ở mười phương Pháp Giới

4) TRÌ TỤNG:

Kinh ghi rằng: “Quán Tự Tại Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Nay con có Đại Đà La Ni Minh Chú, ấy là **Vô Chướng Ngại Quán Tự Tại Liên Hoa Như Ý Bảo Luân Vương** rất u hiem có (Đệ nhất hy hữu), hay đối với tất cả việc mong cầu, tùy Tâm nhiều ích đều được thành tựu. Xin Đức Thế Tôn Đại Bi hãy nghe con nói. Con thường nương theo uy lực của Phật ban bố cho chúng sinh....

Cho đến Đức Thế Tôn khen Bồ Tát rằng: Như thị! Như thị! Ông hay thương xót các loại Hữu Tình. Ta sẽ gia hộ cho ông
 Bồ Tát được Đức Phật cho phép, ôm đày Bi Nguyện, liền ở trước Phật nói Chú là:

Nam mô Phật Đà Gia

Nam mô Đạt Ma gia

Nam mô Tăng già gia

Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát Cụ Đại Bi Tâm Giả

Đát diệt tha: Án, chước yết la bạt để, chấn đa mật ni, mạc ha bát đẵng mê, lỗ lỗ lỗ, để sắt xá, thù la, a yết lệ sa dã, hồng phát, sa ha

(Đây là Căn Bản Chú)

NAMO BUDDHĀYA

NAMO DHARMĀYA

NAMO SAMGHĀYA

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

TADYATHĀ: OM_CAKRA-VARTTI CINTĀMAṆI MAHĀ-PADME _
 RURU TIṢṬA JVALA ĀKARṢĀYA HŪM PHAT _ SVĀHĀ

_Án, bát đạp ma, chấn đa mật ni, thù la, hồng

(Đây là Đại Tâm Chú)
OM_ PADMA CINTĀMAṆI JVALA HŪM

Án, Bạt lạt đà, bát đàm mê, hồng
(Đây là Tùy Tâm Chú)
OM_ VARADA PADME HŪM

Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát nói Đà La Ni này xong thì đại địa chấn động theo 6 cách. Trời, Rồng, Dược Xoa, Càn Đát Bà... cung điện của chư Hữu cũng đều chuyển động mê hoặc nơi nương tựa. Tất cả Ma ác, loài gây chướng ngại thấy cung điện của mình thấy đều bốc lửa rất đáng sợ..... cho đến chúng sinh thọ khổ trong Địa Ngục thấy đều là khổ được sinh lên cõi Trời

5) SÁM NGUYỆN:

Rộng vì bốn Ân, ba cõi Pháp Giới chúng sinh đều nguyện đoạn trừ ba Chướng.

Quy mệnh Sám Hồi

Chí Tâm sám hồi

Con, Tỳ Khưu (Tên là...) quy mệnh mười phương thường trụ Tam Bảo, Thích Ca Mâu Ni, A Di Đà Phật, Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại . Nguyện khởi lòng thương hãy tác chứng minh.

Con vì tất cả chúng sinh trong Pháp Giới . Tâm Tính vô thủy như báu Ma Ni, Tự Thể thanh tịnh, Thần Dụng bản nhiên, vì các Như Lai đồng một Bí Tạng, do vọng tưởng lưu động giả có (Huyền Hữu) luân hồi, ở trong sinh tử chịu các phiền não. Ấy là: Quá khứ, hiện tại tạo chứa Nghiệp 4 Trong, 5 Nghịch, 10 Ác... sẽ đọa vào Địa Ngục A Tỳ chịu khổ. Vì nghiệp ác cho nên thân đời này bị tất cả bệnh tật, mọi loại tai ách ràng buộc. Rộng như Kinh nói: “Các Nhân Duyên ác”

Nay phụng Đại Bi Thánh Quán Tự Tại Giáo. Con tụng trì Như Ý Bảo Luân khiến được diệt trừ tội chướng như vậy, trăm ngàn loại việc ước nguyện đều thành.

Nguyện xin Bồ Tát nhận sự Sám Hồi của con. Theo sự mong cầu của con mà ban cho Ma Ni (Maṇi) tuôn mưa trân bảo, tư lương Phước Tuệ, Thế và Xuất Thế đều khiến tùy Tâm không gì không đầy đủ. Cho đến dứt Thân thọ mệnh chẳng vào bào thai, hoa sen hóa sinh ở Thế Giới Cực Lạc, thấy Phật A Di Đà với sắc thân chân thật của Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát, nghe Diệu Pháp Âm, chứng Tính Viên Thông. Sau đó Phổ Môn thị hiện nhiều ích Hữu Tình, dứt núi trần lao, đồng thành Chứng Trí

Nam mô thập phương Phật

Nam mô thập phương Pháp

Nam mô thập phương Tăng

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô A Di Đà Phật

Nam mô Như Ý Luân Đà La Ni

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát

Nam mô Viên Mãn Nguyện Nhất Thiết Bồ Tát Ma Ha Tát

(ND: Trong Bản này không có ghi Khoa thứ 6 và Khoa thứ 7)

